



**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và  
các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010



**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Báo cáo của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) trình bày báo cáo của Hội đồng Quản trị và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**Thông tin về Công ty**

Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, theo Giấy phép Đầu tư số 4103006864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 5 năm 2007 được điều chỉnh vào các ngày:

053011	18 tháng 6 năm 1993
4103006864	29 tháng 5 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh có giá trị trong thời hạn không xác định.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô IV – 22, Đường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông La Văn Hoàng	Chủ tịch
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Chủ tịch
	Ông Lã Minh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Bà Nguyễn Thị Châu	Thành viên
	Bà Bùi Bích Hợp	Thành viên
	Bà Đào Thị Thuận	Thành viên
	Ông La Hoài Nam	Thành viên
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên
	Ông La Văn Hoàng	Tổng Giám đốc
	Ông La Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lã Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Châu	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Đào Thị Thuận	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc

**Kết quả hoạt động và cổ tức**

Lợi nhuận thuần hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 48.579.168.146 VNĐ (2009: 87.815.807.485 VNĐ, số liệu điều chỉnh lại). Trong năm, Tập đoàn đã chia 8.922.220.000 VNĐ cổ tức bằng cổ phiếu (2009: 21.728.780.000 VNĐ cổ tức bằng cổ phiếu).

**Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

**Đơn vị kiểm toán**

Đơn vị kiểm toán của Tập đoàn là Công ty TNHH KPMG.

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)**

**Tuyên bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị về báo cáo tài chính**

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý các giao dịch của Tập đoàn và kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm. Khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất, Hội đồng Quản trị phải:

- Chọn các nguyên tắc kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các nguyên tắc này một cách thích hợp;
- Đưa ra đánh giá và ước tính hợp lý và thận trọng;
- Tuyên bố việc tuân thủ các nguyên tắc kế toán, trừ những ngoại lệ đã được thuyết minh và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định này không còn phù hợp khi Tập đoàn vẫn tiếp tục hoạt động.

Hội đồng Quản trị xác nhận Tập đoàn đã tuân theo những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo việc ghi chép kế toán đúng sổ sách kế toán của Tập đoàn và những sổ sách này cung cấp một cách tương đối chính xác thông tin tài chính của Tập đoàn tại mọi thời điểm. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm bảo vệ tài sản của Tập đoàn và do đó có trách nhiệm thực hiện các bước hợp lý nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và bất thường.

**Phê duyệt báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, các báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



La Văn Hoàng  
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2011



**KPMG Limited**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa

### Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con (sau đây gọi là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị phê duyệt ngày 31 tháng 3 năm 2011. Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Hội đồng Quản trị, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH KPMG**  
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-01-213



Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0436/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2011

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ (điều chỉnh lại)
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>728.450.645.932</b>	<b>377.365.059.948</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>84.396.800.343</b>	<b>141.253.598.210</b>
<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>5</b>	<b>249.212.678.415</b>	<b>151.108.112.488</b>
Phải thu khách hàng	131		172.900.101.736	123.035.044.900
Trả trước cho người bán	132		67.546.079.651	18.898.180.713
Các khoản phải thu khác	135		8.766.497.028	9.174.886.875
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>326.253.223.365</b>	<b>60.703.105.085</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>68.587.943.809</b>	<b>24.300.244.165</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.930.527.869	3.969.209.621
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		56.801.352.720	20.198.679.319
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.856.063.220	132.355.225
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>1.509.381.297.473</b>	<b>881.522.201.946</b>
<b>Phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>8.084.801.381</b>	<b>7.953.596.832</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.412.737.177.616</b>	<b>829.018.451.516</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	7	712.874.755.959	193.362.780.162
Nguyên giá	222		970.924.296.165	380.779.895.962
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(258.049.540.206)	(187.417.115.800)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	8	230.952.248.868	179.548.324.967
Nguyên giá	225		270.252.236.918	207.219.080.546
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(39.299.988.050)	(27.670.755.579)
Tài sản cố định vô hình	227	9	264.123.025.967	206.069.813.335
Nguyên giá	228		269.465.483.430	206.454.802.689
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.342.457.463)	(384.989.354)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	204.787.146.822	250.037.533.052
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>7.534.715.015</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252		-	7.534.715.015
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>88.559.318.476</b>	<b>37.015.438.583</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	21.472.802.182	36.178.012.044
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.529.035.468	750.926.539
Tài sản dài hạn khác	268		3.019.861.352	86.500.000
Lợi thế thương mại	269	12	62.537.619.474	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.237.831.943.405</b>	<b>1.258.887.261.894</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này



**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ (điều chỉnh lại)
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.658.312.222.583</b>	<b>748.077.100.393</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>963.738.071.255</b>	<b>354.206.508.443</b>
Vay ngắn hạn	311	13	806.716.007.182	267.394.918.305
Phải trả thương mại	312	14	109.094.468.733	54.740.487.548
Người mua trả tiền trước	313		6.565.740.024	1.561.693.616
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	15	13.929.030.333	13.628.364.586
Phải trả nhân viên	315		984.715.600	7.771.090.471
Chi phí phải trả	316	16	14.556.351.998	7.222.222.227
Các khoản phải trả khác	319	17	7.262.021.149	1.887.731.690
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		4.629.736.236	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>694.574.151.328</b>	<b>393.870.591.950</b>
Phải trả dài hạn khác	333		77.119.502	-
Vay và nợ dài hạn	334	18	692.860.122.791	393.818.393.468
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	19	1.636.909.035	52.198.482
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>577.565.985.039</b>	<b>507.048.101.011</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>577.565.985.039</b>	<b>506.702.157.998</b>
Vốn cổ phần	411	20	396.606.520.000	371.077.780.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		46.900.000.000	46.900.000.000
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(780.000)	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		5.714.053.793	-
Chênh lệch tỷ giá	416		-	(136.484.024)
Quỹ dự phòng tài chính	418	21	10.973.114.162	1.014.319.564
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	21	192.503.849	192.503.849
Lợi nhuận chưa phân phối	420		117.180.573.235	87.654.038.609
<b>Nguồn kinh phí sự nghiệp</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>345.943.013</b>
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		-	345.943.013
<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>22</b>	<b>1.953.735.783</b>	<b>3.762.060.490</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.237.831.943.405</b>	<b>1.258.887.261.894</b>

Người lập:

Đồng Thị Ngọc Triều  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

La Văn Hoàng  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12**  
**năm 2010**


	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ (điều chỉnh lại)
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>1.209.020.155.915</b>	<b>750.178.468.980</b>
<b>Hàng bán trả lại</b>	<b>02</b>		<b>(5.744.054.148)</b>	<b>(253.240.289)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>1.203.276.101.767</b>	<b>749.925.228.691</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>		<b>(817.167.019.276)</b>	<b>(531.097.729.385)</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>386.109.082.491</b>	<b>218.827.499.306</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	3.565.350.988	3.010.590.477
Chi phí tài chính	22	25	(126.115.080.731)	(61.739.563.847)
Chi phí bán hàng	24		(109.683.051.452)	(25.417.111.265)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(84.155.041.576)	(39.323.135.669)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>69.721.259.720</b>	<b>95.358.279.002</b>
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b>	<b>40</b>			
Thu nhập khác	31	26	32.830.269.881	2.374.884.673
Chi phí khác	32	27	(30.861.921.142)	(2.433.708.661)
<b>Lợi nhuận từ công ty liên kết</b>	<b>40</b>		<b>2.587.659.115</b>	<b>3.044.423.401</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>74.277.267.574</b>	<b>98.343.878.415</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>28</b>	<b>(26.476.208.357)</b>	<b>(11.278.997.469)</b>
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>28</b>	<b>778.108.929</b>	<b>750.926.539</b>
<b>Lợi nhuận thuần</b>	<b>60</b>		<b>48.579.168.146</b>	<b>87.815.807.485</b>


*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12**  
**năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Phân bổ cho:				
Lợi ích cổ đông thiểu số	61	22	(3.865.990.376)	(487.939.510)
Cổ đông của Công ty	62		52.445.158.522	88.303.746.995

Người lập:

  
 Đồng Thị Ngọc Triều  
 Kế toán trưởng

  
 Người duyệt:  
 La Văn Hoàng  
 Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2011



**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu ngân quỹ VNĐ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VNĐ	Chênh lệch tỷ giá VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009</b> (chưa kiểm toán)	299.349.000.000	3.750.000.000	-	-	-	320.839.748	192.503.849	23.048.669.745	326.661.013.342
Vốn cổ phần đã phát hành	50.000.000.000	43.150.000.000	-	-	-	-	-	-	93.150.000.000
Trích vào quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	693.479.816	-	(693.479.816)	-
Trích vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(493.471.953)	(493.471.953)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (thuyết minh 29)	21.728.780.000	-	-	-	-	-	-	(21.728.780.000)	-
Giảm đầu tư vào công ty liên kết do giảm tỷ lệ	-	-	-	-	-	-	-	(782.646.362)	(782.646.362)
<i>Lợi nhuận thuần trong năm - đã báo cáo trước đây</i>	-	-	-	-	-	-	-	94.631.842.696	94.631.842.696
<i>Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện - đã báo cáo trước đây</i>	-	-	-	-	(6.464.579.725)	-	-	-	(6.464.579.725)
<i>Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán (thuyết minh 33)</i>	-	-	-	-	6.328.095.701	-	-	(6.328.095.701)	-
Lợi nhuận thuần trong năm - điều chỉnh lại	-	-	-	-	(136.484.024)	-	-	88.303.746.995	88.167.262.971
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010 - điều chỉnh lại</b>	371.077.780.000	46.900.000.000	-	-	(136.484.024)	1.014.319.564	192.503.849	87.654.038.609	506.702.157.998

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu ngắn quỹ VNĐ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VNĐ	Chênh lệch tỷ giá VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010 - điều chỉnh lại</b>	371.077.780.000	46.900.000.000	-	-	(136.484.024)	1.014.319.564	192.503.849	87.654.038.609	506.702.157.998
Vốn cổ phần đã phát hành	16.606.520.000	-	-	-	-	-	-	-	16.606.520.000
Cổ phiếu ngắn quỹ	-	(780.000)	-	-	-	-	-	-	(780.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	52.445.158.522	52.445.158.522
Trích vào quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	9.958.794.598	-	(9.958.794.598)	-
Trích vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(3.983.517.839)	(3.983.517.839)
Cổ tức bằng cổ phiếu (thuyết minh 29)	8.922.220.000	-	-	-	-	-	-	(8.922.220.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	136.484.024	-	-	-	136.484.024
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	5.714.053.793	-	-	-	-	5.714.053.793
Ảnh hưởng của việc giảm tỷ lệ đầu tư công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(54.091.459)	(54.091.459)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>	396.606.520.000	46.900.000.000	(780.000)	5.714.053.793	-	10.973.114.162	192.503.849	117.180.573.235	577.565.985.039

Người lập:



Đồng Thị Ngọc Triều  
Kế toán trưởng



La Văn Hoàng  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2010 VNĐ</b>	<b>2009 VNĐ</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>74.277.267.574</b>	<b>98.343.878.415</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		73.173.059.543	41.622.157.789
Các khoản dự phòng	03		1.674.475.621	52.198.482
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		3.173.857.215	9.184.264.691
(Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05		(55.574.971)	11.992.420
Lợi nhuận từ công ty liên kết			(2.587.659.115)	(3.044.423.401)
Thu nhập lãi tiền gửi			(828.491.513)	(1.821.612.559)
Chi phí lãi vay	06		109.054.194.257	31.249.357.435
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>257.881.128.611</b>	<b>175.597.813.272</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(113.603.805.285)	(104.075.719.051)
Biến động hàng tồn kho	10		(253.917.796.703)	(24.388.864.846)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		32.725.814.226	13.529.657.789
			<b>(76.914.659.151)</b>	<b>60.662.887.164</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(107.945.166.484)	(24.027.135.208)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(21.812.555.597)	(8.079.830.207)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(309.725.950)	(176.654.100)
<b>Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(206.982.107.182)</b>	<b>28.379.267.649</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2010 VND</b>	<b>2009 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(516.244.798.410)	(286.678.438.459)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		28.273.609.068	138.361.488
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		828.491.513	1.821.612.559
Tiền thuần chi mua công ty con			(108.654.602.943)	
<b>Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(595.797.300.772)</b>	<b>(284.718.464.412)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		16.606.520.000	93.150.000.000
Cổ đông thiểu số góp vốn			1.420.000.000	1.530.000.000
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(780.000)	-
Thu từ phát hành trái phiếu			-	100.000.000.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.885.123.923.118	775.901.468.093
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.086.634.815.421)	(532.260.789.290)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(70.592.237.610)	(50.652.286.479)
<b>Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>745.922.610.087</b>	<b>387.668.392.324</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(56.856.797.867)</b>	<b>131.329.195.561</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>141.253.598.210</b>	<b>9.924.402.649</b>
<b>Tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>84.396.800.343</b>	<b>141.253.598.210</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**CÁC GIAO DỊCH TÀI CHÍNH VÀ ĐẦU TƯ PHI TIỀN TỆ**

Ngoài việc mua các tài sản và nợ phải trả thông qua hợp nhất kinh doanh như được thuyết minh chi tiết ở thuyết minh số 3, trong năm Tập đoàn còn có các giao dịch phi tiền tệ sau:

	2010 VND	2009 VND
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	70.172.714.552	107.960.664.360

Người lập:

  
Đồng Thị Ngọc Triều  
Kế toán trưởng



La Văn Hoàng  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2011



**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết. Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất nhựa, khuôn đúc, phụ tùng, nước tinh khiết, soda và nước ngọt, vận chuyển bằng xe ô-tô, in bao bì ngoại trừ bao bì kim loại, sản xuất thực phẩm, hải sản, sữa và các sản phẩm liên quan và nước giải khát không cồn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn có 1.281 nhân viên (31/12/2009: 1.010 nhân viên).

**2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(i) Cơ sở kế toán chung**

Báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế thống Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(ii) Cơ sở hợp nhất**

*Các công ty con*

Các công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của công ty con đó. Khi đánh giá kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

*Các công ty liên kết*

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể đến ngày chấm dứt ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai, trừ phi Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết các khoản lỗ này.

*Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất*

Số dư của giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn trong công ty đó.

**(b) Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Trong năm 2009, Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 về việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá, cho phép hoãn lại các chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi nợ và tài sản tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Tập đoàn đã thay đổi chính sách kế toán tuân theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 ("VAS 10") – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*, yêu cầu ghi nhận các chênh lệch tỷ giá vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi các chênh lệch này liên quan đến việc xây dựng tài sản cố định hữu hình hoặc quy đổi các khoản mục tiền tệ ngắn hạn trong giai đoạn trước hoạt động của Tập đoàn, trong trường hợp các khoản mục này được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá trong nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi Tập đoàn bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình được đưa vào sử dụng. Khi Tập đoàn bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá đã thực hiện liên quan được kết chuyển sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn. Lãi và lỗ chưa thực hiện sau đó được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

Việc thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng hồi tố. Thuyết minh 33 trình bày ảnh hưởng của việc áp dụng hồi tố này đến báo cáo tài chính

**(d) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(e) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu Tập đoàn nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(f) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(g) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**(h) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 - 25 năm
▪ dụng cụ văn phòng	4 - 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 - 10 năm

**(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(h).

**(j) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 40 năm.



**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**(ii) Phần mềm máy tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

**(k) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(l) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

**(ii) Chi phí khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm phí cấp tín dụng trung dài hạn, phí phát hành trái phiếu và chênh lệch tỷ giá giai đoạn đầu tư, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

**(m) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Đối với các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại nằm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.



**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**(n) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(o) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(p) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(q) Doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**(r) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(s) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(t) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**3. Hợp nhất kinh doanh**

Vào tháng 6 năm 2010, Tập đoàn mua thêm 1.824.800 cổ phần, tương đương 77% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam và nâng tổng số cổ phần nắm giữ của Tập đoàn tại Công ty này lên 99%. Công ty cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam từ công ty liên kết chuyển thành công ty con của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 7 năm 2010.

Tài sản, nợ phải trả và lợi thế thương mại được hợp nhất vào Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua VNĐ</b>	<b>Các điều chỉnh giá trị hợp lý VNĐ</b>	<b>Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VNĐ</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.211.121.057	-	2.211.121.057
Phải thu ngắn hạn	30.250.270.150	-	30.250.270.150
Hàng tồn kho	10.567.018.747	1.013.985.712	11.581.004.459
Tài sản ngắn hạn khác	10.509.650	-	10.509.650
Tài sản cố định	54.452.638.512	21.350.291.387	75.802.929.899
Đầu tư dài hạn	1.530.000.000	-	1.530.000.000
Tài sản dài hạn - quyền sử dụng đất	5.332.429.616	-	5.332.429.616
Tài sản dài hạn - khác	1.592.246.387	-	1.592.246.387
Nợ phải trả ngắn hạn	(32.916.698.547)	-	(32.916.698.547)
Vay và nợ dài hạn	(37.036.391.775)	-	(37.036.391.775)
<b>Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được</b>	<b>35.993.143.797</b>	<b>22.364.277.099</b>	<b>58.357.420.896</b>
<b>Giá mua</b>			<b>110.865.724.000</b>
<b>Giá trị hợp lý thuần của phần tài sản mua thêm (77%)</b>			<b>(44.935.214.090)</b>
<b>Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua</b>			<b>65.930.509.910</b>

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**4. Tiền**

	<b>31/12/2010</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2009</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	653.123.633	305.285.649
Tiền gửi ngân hàng	83.743.676.710	140.948.312.561
	<hr/>	<hr/>
	84.396.800.343	141.253.598.210

Trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có số ngoại tệ tương đương 4.894 triệu VND (31/12/2009: 70.669 triệu VND).

**5. Phải thu ngắn hạn**

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	<b>31/12/2010</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2009</b> <b>VND</b>
Phải thu thương mại từ công ty liên kết	-	6.443.608.486

Khoản phải thu thương mại từ công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

**6. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2010</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2009</b> <b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	18.680.711.778	-
Nguyên vật liệu	193.403.878.002	43.110.531.619
Công cụ và dụng cụ	6.905.818.651	3.054.375.035
Sản phẩm dở dang	16.433.883.037	1.134.369.439
Thành phẩm	83.237.198.164	12.055.067.282
Hàng hóa	2.144.376.592	924.808.676
Hàng gửi đi bán	5.498.674.259	423.953.034
	<hr/>	<hr/>
	326.304.540.483	60.703.105.085
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(51.317.118)	-
	<hr/>	<hr/>
	326.253.223.365	60.703.105.085

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**7. Tài sản cố định hữu hình**

<b>Nguyên giá</b>	<b>Nhà cửa VNĐ</b>	<b>Dụng cụ văn phòng VNĐ</b>	<b>Máy móc và thiết bị VNĐ</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
Số dư đầu năm	29.361.785.201	2.598.440.165	334.865.158.028	13.954.512.568	380.779.895.962
Tăng trong năm	10.192.967.582	3.256.708.483	54.948.641.971	10.425.122.591	78.823.440.627
Tăng do hợp nhất kinh doanh	18.235.386.187	359.333.535	23.511.899.166	1.199.689.810	43.306.308.698
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	48.942.843.590	161.351.873	398.757.364.062	2.955.136.761	450.816.696.286
Chuyển từ tài sản cố định thuế tài chính	-	-	50.626.299.083	1.125.142.858	51.751.441.941
Thanh lý	-	(432.161.957)	(33.433.766.465)	-	(33.865.928.422)
Xóa sổ	-	(13.438.182)	(414.120.745)	-	(427.558.927)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	(260.000.000)	-	(260.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>106.732.982.560</b>	<b>5.930.233.917</b>	<b>828.601.475.100</b>	<b>29.659.604.588</b>	<b>970.924.296.165</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	7.097.359.658	1.101.084.241	174.900.726.267	4.317.945.634	187.417.115.800
Khấu hao trong năm	2.821.794.228	847.282.875	36.841.288.697	2.229.716.556	42.740.082.356
Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.856.679.966	30.589.879	16.471.341.152	686.492.125	20.045.103.122
Chuyển từ tài sản cố định thuế tài chính	-	-	13.038.521.402	356.295.242	13.394.816.644
Thanh lý	-	(104.478.401)	(5.432.265.982)	-	(5.536.744.383)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	(10.833.333)	-	(10.833.333)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>12.775.833.852</b>	<b>1.874.478.594</b>	<b>235.808.778.203</b>	<b>7.590.449.557</b>	<b>258.049.540.206</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	22.264.425.543	1.497.355.924	159.964.431.761	9.636.566.934	193.362.780.162
Số dư cuối năm	93.957.148.708	4.055.755.323	592.792.696.897	22.069.155.031	712.874.755.959



**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản cố nguyên giá 32.287 triệu VNĐ được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (31/12/2009: 24.780 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 559.095 triệu VNĐ (31/12/2009: 36.641 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**8. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị VNĐ</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	198.630.724.700	8.588.355.846	207.219.080.546
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	449.462.609	-	449.462.609
Tăng trong năm	69.582.704.182	590.010.370	70.172.714.552
Tăng do hợp nhất kinh doanh	38.855.145.549	6.205.541.458	45.060.687.007
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(50.626.299.083)	(1.125.142.858)	(51.751.441.941)
Thanh lý	-	(898.265.855)	(898.265.855)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>256.891.737.957</b>	<b>13.360.498.961</b>	<b>270.252.236.918</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	26.180.636.569	1.490.119.010	27.670.755.579
Khấu hao trong năm	19.244.083.691	888.664.604	20.132.748.295
Tăng do hợp nhất kinh doanh	4.454.030.988	564.524.164	5.018.555.152
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(13.038.521.402)	(356.295.242)	(13.394.816.644)
Thanh lý	-	(127.254.332)	(127.254.332)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>36.840.229.846</b>	<b>2.459.758.204</b>	<b>39.299.988.050</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	172.450.088.131	7.098.236.836	179.548.324.967
Số dư cuối năm	220.051.508.111	10.900.740.757	230.952.248.868

Tập đoàn thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tập đoàn có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (thuyết minh 18).

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**9. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VNĐ</b>	<b>Phần mềm máy tính VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	205.934.752.089	520.050.600	206.454.802.689
Tăng trong năm	6.918.371.495	718.189.667	7.636.561.162
Tăng do hợp nhất kinh doanh	12.558.114.712	22.000.000	12.580.114.712
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	42.794.004.867	-	42.794.004.867
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>268.205.243.163</b>	<b>1.260.240.267</b>	<b>269.465.483.430</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	269.422.554	115.566.800	384.989.354
Khấu hao trong năm	1.133.008.199	185.315.225	1.318.323.424
Tăng do hợp nhất kinh doanh	65.122.230	15.400.014	80.522.244
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	3.558.622.441	-	3.558.622.441
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.026.175.424</b>	<b>316.282.039</b>	<b>5.342.457.463</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	205.665.329.535	404.483.800	206.069.813.335
Số dư cuối năm	263.179.067.739	943.958.228	264.123.025.967

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 các tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ là 6.069 triệu VNĐ (31/12/2009: 6.232 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong nguyên giá quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có quyền sử dụng đất vô thời hạn là 199.433 triệu VNĐ (31/12/2009: 199.433 triệu VNĐ), không tính khấu hao.

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**10. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2010 VND</b>	<b>2009 VND</b>
Số dư đầu năm	250.037.533.052	12.691.675.154
Tăng trong năm	406.015.772.665	247.477.012.402
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(450.816.696.286)	(10.131.154.504)
Chuyển sang tài sản cố định thuê tài chính	(449.462.609)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>204.787.146.822</b>	<b>250.037.533.052</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 183.394 triệu VND (31/12/2009: 151.432 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong năm, chi phí vay được vốn hoá vào xây dựng cơ bản dở dang là 3.420 triệu VND (2009: 717 triệu VND).

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Tiền thuê đất trả trước VND</b>	<b>Chi phí trước hoạt động VND</b>	<b>Chi phí khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	34.030.963.780	2.147.048.264	-	36.178.012.044
Tăng trong năm	-	18.405.079.709	5.363.944.247	23.769.023.956
Tăng do hợp nhất kinh doanh	5.332.429.616	-	-	5.332.429.616
Chuyển mục từ tài khoản khác	-	136.484.024	881.250.000	1.017.734.024
Phân bổ trong năm	(128.010.970)	(4.418.307.439)	(1.042.696.623)	(5.589.015.032)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(39.235.382.426)	-	-	(39.235.382.426)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>16.270.304.558</b>	<b>5.202.497.624</b>	<b>21.472.802.182</b>

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**12. Lợi thế thương mại**

	VND
<b>Giá gốc</b>	
Tăng trong năm và số dư cuối năm	65.930.509.910
<b>Phân bổ lũy kế</b>	
Phân bổ trong năm và số dư cuối năm	3.392.890.436
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư cuối năm	62.537.619.474

**13. Vay ngắn hạn**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay ngắn hạn - không đảm bảo	676.801.591.981	193.272.671.801
Vay và nợ dài hạn đến hạn phải trả (thuyết minh 18)	129.914.415.201	74.122.246.504
	806.716.007.182	267.394.918.305

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Loại tiền tệ</b>	<b>Lãi suất</b>	<b>31/12/2010 VNĐ</b>	<b>31/12/2009 VNĐ</b>
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	VNĐ	10,5%	197.955.125.581	-
Ngân hàng ANZ	USD	6,5%	44.031.487.500	-
Ngân hàng HSBC	VNĐ	10,5%	89.658.229.624	32.579.117.469
Ngân hàng HSBC	USD	6,5%	-	1.996.204.102
Ngân hàng Tiên Phong	VNĐ	10,5%	42.609.943.981	34.736.276.074
Ngân hàng An Bình	VNĐ	10,5%	-	72.500.098.036
Ngân hàng Bảo Việt	VNĐ	10,5%	-	49.814.221.898
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	VNĐ	10,5%	95.857.491.086	-
Ngân hàng Bảo Việt	VNĐ	13,5%	18.092.000.000	-
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	VNĐ	13,5%	30.926.155.718	-
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	VNĐ	14,0%	93.306.683.750	-
Ngân hàng An Bình	VNĐ	14,5%	22.505.214.982	-
Ngân hàng HSBC	VNĐ	12,5%	17.566.314.992	-
Ngân hàng Tiên Phong	VNĐ	10,5%	24.292.944.767	1.646.754.222
			<b>676.801.591.981</b>	<b>193.272.671.801</b>

#### **14. Phải trả thương mại**

Trong phải trả thương mại có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	<b>31/12/2010 VNĐ</b>	<b>31/12/2009 VNĐ</b>
Phải trả công ty liên kết	-	13.549.670.051

Khoản phải trả thương mại công ty liên kết không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**15. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	3.963.628.342	9.422.637.997
Thuế nhập khẩu	29.412.715	41.353.887
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.372.796.915	4.009.176.023
Thuế thu nhập cá nhân	563.192.361	155.196.679
	<hr/>	<hr/>
	13.929.030.333	13.628.364.586

**16. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi trái phiếu doanh nghiệp	8.331.250.000	7.222.222.227
Lương và thưởng	4.706.437.710	-
Chi phí khác	1.518.664.288	-
	<hr/>	<hr/>
	14.556.351.998	7.222.222.227

**17. Các khoản phải trả khác**

	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm xã hội	925.475.173	216.574.235
Ký quỹ của khách hàng	731.507.797	929.138.607
Tiền hoa hồng	1.086.904.674	668.667.136
Các khoản phải trả khác	4.518.133.505	73.351.712
	<hr/>	<hr/>
	7.262.021.149	1.887.731.690

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**18. Vay và nợ dài hạn**

		<b>31/12/2010</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2009</b> <b>VND</b>
Vay dài hạn	(a)	462.199.665.724	249.190.690.841
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn	(b)	100.000.000.000	100.000.000.000
Nợ thuế tài chính	(c)	145.578.821.659	118.749.949.131
Nợ dài hạn khác	(d)	114.996.050.609	-
		<hr/>	<hr/>
		822.774.537.992	467.940.639.972
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 13)		(129.914.415.201)	(74.122.246.504)
		<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng		692.860.122.791	393.818.393.468

**a. Vay dài hạn**

	<b>Loại</b> <b>tiền tệ</b>	<b>Lãi</b> <b>suất</b>	<b>Năm</b> <b>đáo hạn</b>	<b>31/12/2010</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2009</b> <b>VND</b>
Ngân hàng Indovina	USD	6,5%	2013	7.072.287.711	9.147.559.145
Ngân hàng Indovina	USD	6,5%	-	-	3.989.767.064
Ngân hàng An Bình	VND	11,0%	2013	420.000.000	577.500.000
Ngân hàng An Bình	VND	13,0%	2014	19.113.310.000	21.960.000.000
Ngân hàng Tiên Phong	VND	16,6%	2013	526.811.790	1.457.168.287
Ngân hàng Tiên Phong	VND	16,6%	2013	23.413.855	-
Ngân hàng Bảo Việt	VND	10,5%	-	-	21.028.396.200
Ngân hàng Bảo Việt	VND	10,5%	2014	5.616.089.400	-
Ngân hàng Bảo Việt	VND	10,5%	2014	9.687.631.800	-
Ngân hàng Bảo Việt	VND	10,5%	2014	2.268.000.000	-
Ngân hàng Bảo Việt	VND	10,5%	2014	136.725.000	-
Ngân hàng HSBC	VND	15,0%	2015	19.490.000.000	-
Ngân hàng Tiên Phong					
và Ngân hàng Đại dương	USD	6,5%		-	47.745.479.556
Ngân hàng An Bình	VND	10,0%		-	143.284.820.589
Ngân hàng Bảo Việt	VND	16,0%	2017	146.283.863.492	-
Ngân hàng Tiên Phong	VND	14,8%	2013	712.449.237	-
Ngân hàng An Bình	VND	12,0%	2015	149.603.603.785	-
Ngân hàng An Bình	VND	15,0%	2015	52.004.010.005	-
Ngân hàng Tiên Phong	VND	7,0%	2014	22.210.581.201	-
Ngân hàng Tiên Phong	VND	8,0%	2014	3.136.224.223	-
Ngân hàng Tiên Phong	VND	10,0%	2014	1.651.987.249	-
Ngân hàng Tiên Phong	VND	12,0%	2014	1.775.014.238	-
Ngân hàng Tiên Phong	VND	14,0%	2014	2.295.434.324	-
Ngân hàng Tiên Phong	VND	16,0%	2014	898.320.858	-

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

	<b>Loại tiền tệ</b>	<b>Lãi suất</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2010 VNĐ</b>	<b>31/12/2009 VNĐ</b>
Ngân hàng Đại Dương	VNĐ	7,0%	2014	12.001.651.088	-
Ngân hàng Đại Dương	VNĐ	8,0%	2014	1.694.681.852	-
Ngân hàng Đại Dương	VNĐ	10,0%	2014	892.663.474	-
Ngân hàng Đại Dương	VNĐ	12,0%	2014	959.142.013	-
Ngân hàng Đại Dương	VNĐ	14,0%	2014	1.240.354.838	-
Ngân hàng Đại Dương	VNĐ	16,0%	2014	485.414.291	-
				<b>462.199.665.724</b>	<b>249.190.690.841</b>

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, xây dựng dở dang và quyền sử dụng đất có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 lần lượt là 559.095 triệu VNĐ, 183.394 triệu VNĐ và 6.069 triệu VNĐ (31/12/2009: 36.641 triệu VNĐ, 151.432 triệu VNĐ và 6.232 triệu VNĐ).

**b. Trái phiếu dài hạn đã phát hành**

Đợt 1 (i)	VNĐ	2014	50.000.000.000	50.000.000.000
Đợt 2 (ii)	VNĐ	2014	50.000.000.000	50.000.000.000
			<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

- i. Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm và không cho phép chuyển đổi với mệnh giá 1 tỷ VNĐ đã được phát hành vào ngày 20 tháng 5 năm 2009. Trong năm đầu tiên, trái phiếu chịu lãi suất năm là 13%, kể từ năm thứ hai, lãi suất được tính bằng lãi suất huy động kỳ hạn một năm trung bình của bốn ngân hàng (Vietcombank, BIDV, VIB và Vietinbank) cộng 4% nhưng không thấp hơn 13%. Trái phiếu sẽ được mua lại hết vào ngày 20 tháng 5 năm 2014.
- ii. Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm và không cho phép chuyển đổi với mệnh giá 1 tỷ VNĐ đã được phát hành vào ngày 1 tháng 7 năm 2009. Trong năm đầu tiên, trái phiếu chịu lãi suất năm là 13%, kể từ năm thứ hai, lãi suất được tính bằng lãi suất huy động kỳ hạn một năm trung bình của bốn ngân hàng (Vietcombank, BIDV, VIB và Vietinbank) cộng 4%. Trái phiếu sẽ được mua lại hết vào ngày 1 tháng 7 năm 2014.

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**c. *Nợ thuê tài chính***

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai đối với hợp đồng thuê tài chính không hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2010</b>		
	<b>VNĐ</b>		
	<b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính</b>	<b>Trả tiền lãi</b>	<b>Trả nợ gốc</b>
Trong vòng một năm	64.540.898.608	14.691.779.644	49.849.118.964
Từ hai đến năm năm	113.050.825.695	17.321.123.000	95.729.702.695
	<hr/>		
	177.591.724.303	32.012.902.644	145.578.821.659
	<hr/>		
	<b>31/12/2009</b>		
	<b>VNĐ</b>		
	<b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính</b>	<b>Trả tiền lãi</b>	<b>Trả nợ gốc</b>
Trong vòng một năm	43.020.348.298	3.160.623.845	39.859.724.453
Từ hai đến năm năm	98.438.950.995	19.548.726.317	78.890.224.678
	<hr/>		
	141.459.299.294	22.709.350.163	118.749.949.131
	<hr/>		

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ tương đương 45.857 triệu VNĐ (31/12/2009: 49.462 triệu VNĐ).

**d. *Nợ dài hạn khác***

Là khoản vay không được đảm bảo từ các thành viên Hội đồng quản trị của Tập đoàn, chịu lãi suất 12%/năm và đáo hạn vào năm 2013.

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**19. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	<b>2010</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	52.198.482
Dự phòng trích lập trong năm	1.623.158.503
Dự phòng sử dụng trong năm	(38.447.950)
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.636.909.035

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn đã đóng 599 triệu VND (2009: 204 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh.



**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	38.000.000	380.000.000.000	38.000.000	380.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	39.660.652	396.606.520.000	37.107.778	371.077.780.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(78)	(780.000)	-	-
<b>Số cổ phiếu hiện đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	39.660.574	396.605.740.000	37.107.778	371.077.780.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tập đoàn mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2010		2009	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	37.107.778	371.077.780.000	29.934.900	299.349.000.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	892.222	8.922.220.000	2.172.878	21.728.780.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	1.660.652	16.606.520.000	5.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu ngân quỹ	(78)	(780.000)	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>39.660.574</b>	<b>396.605.740.000</b>	<b>37.107.778</b>	<b>371.077.780.000</b>

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

Trong năm Đại hội cổ đông thường niên vào ngày 17 tháng 3 năm 2010 đã quyết định thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức bằng cổ phiếu. Tổng số cổ phiếu phát hành theo quyết định này là 892.222 cổ phiếu.

Trong năm Đại hội đồng cổ đông vào ngày 23 tháng 7 năm 2010 đã quyết định thông qua phương án phát hành thêm 14.250.000 cổ phiếu và được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận phát hành theo công văn số 751/UBCK-GCN ngày 2 tháng 12 năm 2010. Thời gian phát hành là 90 ngày kể từ ngày cấp giấy chứng nhận. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, số cổ phiếu đã phát hành theo quyết định này là 1.606.520 cổ phiếu, trong đó, Tập đoàn phát hành 1.537.602 cổ phiếu cho Red River Holding và 68.918 cổ phiếu còn lại được phát hành cho các cổ đông khác. Toàn bộ số cổ phiếu đã phát hành trong năm theo mệnh giá 10.000 VNĐ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, danh sách các cổ đông của Tập đoàn như sau:

	Số cổ phiếu	%
Ông La Văn Hoàng	11.457.452	28,89%
Bà Bùi Bích Hồng	7.088.599	17,87%
Bà La Bùi Hồng Ngọc	6.937.064	17,49%
Red River Holding	5.637.874	14,22%
Cổ đông khác	8.539.585	21,53%
	<hr/>	
	39.660.574	100%

## **21. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

### **(i) Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập như dự phòng cho các rủi ro kinh doanh chung trong tương lai của Tập đoàn.

### **(ii) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

Được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối căn cứ trên tỷ lệ phần trăm do cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên. Quỹ này dùng cho chi phí cho Hội Đồng Quản Trị Công ty.

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**22. Lợi ích cổ đông thiểu số**

	<b>2010</b> <b>VND</b>	<b>2009</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	3.762.060.490	2.720.000.000
Cổ đông thiểu số góp vốn	1.420.000.000	1.530.000.000
Tăng do thay đổi tỷ lệ cổ đông thiểu số	54.091.459	-
Mua công ty con	583.574.210	-
Lỗ thuộc các cổ đông thiểu số	(3.865.990.376)	(487.439.510)
Số dư cuối năm	1.953.735.783	3.762.060.490

**23. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2010</b> <b>VND</b>	<b>2009</b> <b>VND</b>
Thu lãi tiền gửi	828.491.513	1.821.612.559
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.129.331.453	799.149.901
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	421.627.142	389.828.017
Doanh thu hoạt động tài chính khác	185.900.880	-
	3.565.350.988	3.010.590.477

**25. Chi phí tài chính**

	<b>2010</b> <b>VND</b>	<b>2009</b> <b>VND</b> (điều chỉnh lại)
Chi phí lãi vay	109.054.194.257	31.249.357.435
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.899.602.824	21.883.531.449
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.595.484.357	8.606.674.963
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.565.799.293	-
	126.115.080.731	61.739.563.847

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**26. Thu nhập khác**

	<b>2010</b> <b>VND</b>	<b>2009</b> <b>VND</b>
Cho thuê tài sản	1.241.072.077	1.067.852.883
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	28.273.609.068	138.361.488
Doanh thu gia công	-	246.000.000
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	306.308.188	253.132.518
Thu nhập từ phế liệu	1.544.847.315	
Thu nhập khác	1.464.433.233	669.537.784
	<hr/>	<hr/>
	32.830.269.881	2.374.884.673

**27. Chi phí khác**

	<b>2010</b> <b>VND</b>	<b>2009</b> <b>VND</b>
Khấu hao tài sản cho thuê	332.103.122	833.466.517
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định hữu hình thanh lý	28.329.184.039	150.353.908
Nợ xấu	-	196.579.002
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	638.550.371	816.538.043
Chi phí khác	1.562.083.610	436.771.191
	<hr/>	<hr/>
	30.861.921.142	2.433.708.661

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**28. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2010 VNĐ</b>	<b>2009 VNĐ</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	19.489.542.304	11.278.997.469
Thuế thu nhập phải nộp những năm trước	6.986.666.053	-
	<hr/> 26.476.208.357	<hr/> 11.278.997.469
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(778.108.929)	(750.926.539)
	<hr/> 25.698.099.428	<hr/> 10.528.070.930

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2010 VNĐ</b>	<b>2009 VNĐ (điều chỉnh lại)</b>
Lợi nhuận trước thuế	74.277.267.574	98.343.878.415
Thuế theo thuế suất của Công ty	11.141.590.136	14.751.581.762
Ưu đãi thuế	(6.647.224.661)	(7.432.194.765)
Ảnh hưởng của thuế suất khác nhau	941.797.936	1.764.638.166
Ảnh hưởng của thuế suất cao hơn của công ty con	(5.145.079.777)	(899.219.205)
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.808.271.012	405.906.970
Thu nhập không tính thuế	-	(13.065.202)
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	15.630.078.729	2.407.086.714
Nợ thuế hoãn lại không được ghi nhận đối với lợi nhuận từ công ty liên kết	-	(456.663.510)
Thuế thu nhập phải nộp những năm trước	6.968.666.053	-
	<hr/> 25.698.099.428	<hr/> 10.528.070.930



**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế, ngoại trừ hoạt động kinh doanh tại nhà máy ở quận 12 của Công ty, chịu thuế suất 25%. Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lợi nhuận của nhà máy ở huyện Củ Chi.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Á có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần PET Quốc tế và Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế. Tuy nhiên, cả hai công ty đều được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.

Công ty cổ phần Nhựa P.E.T có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trong vòng 12 năm (từ 2004 đến 2015) và theo thuế suất hiện hành cho những năm tiếp theo.

**29. Cổ tức**

Trong năm Đại hội cổ đông thường niên vào ngày 17 tháng 3 năm 2010 đã quyết định thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức bằng cổ phiếu. Tổng số cổ phiếu phát hành theo quyết định này là 892.222 cổ phiếu, một cổ phiếu cổ tức cho 2,4% số cổ phiếu đang lưu hành (2009: cổ tức bằng 2.172.878 cổ phiếu, 15% mệnh giá cổ phần cho các cổ đông sở hữu dưới 5% vốn chủ sở hữu và cho 6,26% mệnh giá cổ phần cho các cổ đông sở hữu trên 5% vốn chủ sở hữu).

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

**Xác định các bên liên quan**

Tập đoàn có quan hệ bên liên quan với các cổ đông chính. Tập đoàn cũng có quan hệ bên liên quan với công ty liên kết, các giám đốc và các cán bộ quản lý.

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Đầu tư	% sở hữu
<b>Các công ty con</b>			
Công ty Cổ phần thực phẩm Đông Á	Sản xuất và kinh doanh bánh kẹo và thực phẩm	3900419455	95%
Công ty Cổ phần PET Quốc tế	Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, khuôn mẫu và sản phẩm công nghiệp	3900785589	98%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú	Sản xuất hải sản, sữa và các sản phẩm liên quan, nước giải khát không cồn; sản xuất các sản phẩm bằng nhựa	3400811368	90%
Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam	Sản xuất bao bì bằng nhựa	4103009341	99%

**Giao dịch với các nhân sự chủ chốt**

Tổng lương và thưởng cho các nhân sự chủ chốt như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	15.396.696.202	3.511.450.000

**31. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có các tài sản bằng ngoại tệ xấp xỉ 319.560 USD và nợ tiền tệ bằng ngoại tệ xấp xỉ 1.913.729 USD dẫn đến một khoản nợ phải trả tiền tệ thuần xấp xỉ 1.594.169 USD. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2011, Đồng Việt Nam sụt giá mạnh so với Đô la Mỹ 9,3% từ 18.932/1 USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 xuống 20.693/1 USD. Khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ thuần và việc sụt giá mạnh của Đồng Việt Nam có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.082.961.534.596	375.920.669.467
Chi phí nhân công	116.723.263.189	41.078.828.860
Chi phí khấu hao và phân bổ	73.173.059.543	41.622.157.789
Chi phí khác	184.829.145.958	59.926.380.440

**33. Thay đổi chính sách kế toán**

Như trình bày trong Thuyết minh 2(c), kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Tập đoàn đã thay đổi chính sách kế toán bằng việc áp dụng VAS10 – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*. Tập đoàn đã áp dụng hồi tố chính sách kế toán mới này bằng cách hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện đã ghi nhận trong vốn chủ sở hữu tại ngày 1 tháng 1 năm 2010 vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009. Lỗi lũy kế mang sang tại ngày 1 tháng 1 năm 2010 và số liệu so sánh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày lại như sau:

**(a) Bảng cân đối kế toán**

	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	<b>(điều chỉnh lại)</b>	<b>(đã báo cáo trước đây)</b>
Chênh lệch tỷ giá	(136.484.024)	(6.464.579.725)
Lợi nhuận chưa phân phối	87.654.038.609	93.982.134.310

**Công ty Cổ phần Nhựa Ngọc Nghĩa và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

**(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2009</b> <b>VND</b> <b>(điều chỉnh lại)</b>	<b>2009</b> <b>VND</b> <b>(đã báo cáo</b> <b>trước đây)</b>
Chi phí tài chính	61.739.563.847	55.021.640.129
Doanh thu hoạt động tài chính	3.010.590.477	2.620.762.460

Người lập:



**Đồng Thị Ngọc Triều**  
*Kế toán trưởng*



**La Văn Hoàng**  
*Tổng Giám đốc*

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

